

**UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Số: 1632/SKHĐT-TH

V/v hướng dẫn lập kế hoạch
đầu tư công năm 2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 7 năm 2019

Kính gửi: - Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Các chủ đầu tư.

Căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách Nhà nước, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Công văn số 4358/BKHĐT-TH ngày 03/7/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý cơ quan báo cáo các nội dung sau:

I. Căn cứ đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019

- Nghị Quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;
- Nghị Quyết số 26/NQ-HĐND ngày 27/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2019 tỉnh Đắk Lắk;
- Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND tỉnh ban hành Kế hoạch về chỉ tiêu, mục tiêu, nguồn vốn và phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND tỉnh ban hành Kế hoạch về chỉ tiêu, mục tiêu, nguồn vốn và phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;
- Các Quyết định giao kế hoạch đầu tư công trong năm 2019 của UBND tỉnh;
- Các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2019.

II. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công và các chương trình MTQG năm 2019

Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố; Các chủ đầu tư (gọi chung là các chủ đầu tư, chủ Chương trình) đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công và các chương trình MTQG năm 2019 gồm các nội dung sau:

1. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công và các chương

trình MTQG 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2019 theo từng nguồn vốn: vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước; tình hình thực hiện các dự án từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vốn sự nghiệp của các chương trình MTQG;

2. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển và thực hiện các chương trình MTQG (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, ngân sách xã, huy động khác)

3. Các kết quả đạt được, các khó khăn, vướng mắc và những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 và các chương trình MTQG, trong đó làm rõ nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc và những tồn tại, hạn chế này.

4. Các giải pháp, kiến nghị để triển khai có hiệu quả kế hoạch đầu tư công trong những tháng cuối năm 2019.

III. Nguyên tắc chung về lập kế hoạch đầu tư công và các chương trình MTQG năm 2020

Năm 2020 là năm cuối triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2011-2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020. Là năm quyết định việc thành công các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch thực hiện từng chương trình MTQG 5 năm giai đoạn 2016-2020 đã đề ra của các cấp có thẩm quyền.

- Xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên trong kế hoạch đầu tư công và các chương trình MTQG năm 2020 phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, kế hoạch thực hiện từng chương trình MTQG 5 năm giai đoạn 2016-2020 của cấp có thẩm quyền thông qua và khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư, vốn sự nghiệp các chương trình MTQG năm 2020, trong đó bố trí đủ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2020 để: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản còn lại chưa thanh toán, vốn cho 02 chương trình mục tiêu quốc gia, vốn cho các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2020, ưu tiên bố trí vốn thu hồi vốn ứng trước, đầu tư cho các chương trình đã được phê duyệt nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai; các dự án, công trình y tế, giáo dục, các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm tạo sức lan tỏa và kết nối phát triển; các dự án quốc phòng an ninh; không bố trí cho các dự án chưa đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định, không có khả năng giải ngân trong năm 2020. Việc bố trí vốn nước ngoài phải phù hợp với tiến độ giải ngân từ nhà tài trợ và tiến độ thực hiện dự án, bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc Hiệp định vay trong năm

2020. Việc quản lý và sử dụng 10% dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 theo quy định.

- Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công và các chương trình MTQG năm 2020 phải thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định hướng dẫn Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và quy định về chương trình MTQG.

IV. Dự kiến kế hoạch đầu tư công và các chương trình MTQG năm 2020

1. Dự kiến nhu cầu và khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư kế hoạch năm 2020

a) Dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công năm 2020 của các đơn vị theo từng nguồn vốn

b) Dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác ngoài nguồn vốn đầu tư công.

c) Các thuận lợi và khó khăn, vướng mắc trong việc cân đối và huy động các nguồn vốn đầu tư trong năm 2020 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

d) Các đề xuất, kiến nghị và các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 của đơn vị.

2. Lập kế hoạch đầu tư vốn NSNN và các chương trình MTQG năm 2020

a) Nguyên tắc bố trí kế hoạch

Việc lập kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) theo các nguyên tắc chung tại mục III nêu trên và các nguyên tắc cụ thể dưới đây:

- Việc lập kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020 phải phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước

Trong đó lưu ý:

(1) Các đơn vị có dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, phải lập dự toán chi đầu tư từ nguồn thu này năm 2020, trong đó, làm rõ các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng; các dự án dự kiến sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất phát sinh trong năm 2020; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2019.

(2) Kế hoạch đầu tư vốn năm 2020 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư.

(3) Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2020, các chủ đầu tư xây dựng phương án phân bổ kế hoạch chi chặt chẽ, chi tiết theo từng dự án, bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2020.
- Trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình thực hiện việc phân bổ vốn phải bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Bố trí đủ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản còn lại chưa thanh toán, bố trí đủ vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2020.

+ Ưu tiên bố trí vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; thu hồi các khoản vốn ứng trước còn lại của kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020; vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến triển khai trong giai đoạn 2021-2025; vốn cho các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và các Nghị định hướng dẫn; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

+ Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với các dự án khởi công mới, chỉ bố trí vốn kế hoạch năm 2020 cho các dự án thật sự cần thiết đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; (ii) Đến ngày 31 tháng 10 năm 2019 có quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; (iii) Không bố trí vốn kế hoạch đầu tư công cho các dự án không thực hiện trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành; Đối với dự án chuẩn bị đầu tư phải có Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư đến ngày 31 tháng 10 năm 2019.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch năm 2020 không vượt quá số vốn còn lại của kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước các cấp có thẩm quyền (đối với chi tiết đầu tư theo ngành, lĩnh vực nguồn ngân sách địa phương) giao kế hoạch trừ đi lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2019.

- Không bố trí kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, không được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

b) Dự kiến danh mục và bố trí kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020 cho từng dự án

- Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách trung ương: Căn cứ mục tiêu, định hướng, nguyên tắc và khả năng cân đối vốn đầu tư, các chủ đầu tư dự kiến danh mục dự án và mức vốn cho từng dự án theo đúng các nguyên tắc quy định tại điểm a nêu trên.

- Đối với các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương:

+ Đề nghị đơn vị rà soát và dự kiến đề xuất bố trí vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2020 phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương theo đúng các nguyên tắc, quy định, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

+ Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết, ưu tiên đầu tư nguồn vốn này cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình phúc lợi xã hội khác theo quy định của cấp có thẩm quyền theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2018.

+ Đối với nguồn bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh: theo quy định của Luật NSNN năm 2015, bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

(Báo cáo theo biểu mẫu số 1.1;1.2 kèm theo)

3. Lập kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

Lập kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công và các Nghị định hướng dẫn thi hành, trong đó làm rõ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi các nhà tài trợ nước ngoài được phân bổ cho chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp và vốn đối ứng của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp (cả cấp phát và cho vay lại) phải làm rõ mức vốn cho từng phần.

Trong điều kiện nguồn vốn ODA giảm, với mức độ ưu đãi thấp hơn trước, cần phải rà soát chặt chẽ, thận trọng kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo các nguyên tắc sau:

- Các chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch năm 2020 phải phù hợp với định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2016-2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia.

- Bố trí kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cân đối trong NSNN cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai, năng lực của chủ đầu tư chương trình, dự án và tiến độ thực hiện dự án.

- Đối với các dự án Ô có cơ cấu hỗn hợp (bao gồm dự án thành phần ở trung ương do các bộ, ngành là cơ quan chủ quản quản lý, thực hiện và dự án thành phần ở địa phương do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố là cơ quan chủ quản quản lý, thực hiện), cơ quan chủ quản dự án Ô (bộ, ngành) rà soát, phân khai nguồn vốn nước ngoài theo tiến độ; cơ quan chủ quản dự án thành phần/địa phương cân đối trong dự toán NSDP năm 2020 phù hợp với kế hoạch trung hạn đầu tư vốn nước

ngoài được giao.

(Báo cáo theo biểu mẫu số 2 kèm theo)

4. Lập kế hoạch vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2020

Sở Tài chính căn cứ vào khả năng từng nguồn thu cụ thể, lập kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2020 theo các nội dung dưới đây:

a) Dự kiến kế hoạch từng nguồn thu cụ thể để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước.

b) Trên cơ sở dự kiến kế hoạch các khoản thu chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm 2020, các đơn vị dự kiến số vốn để lại cho đầu tư và dự kiến phương án phân bổ chi tiết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công đối với từng nguồn thu cụ thể.

c) Dự kiến phương án phân bổ cụ thể đối với từng nguồn vốn theo các nguyên tắc quy định tại Mục I trên đây và phù hợp với khả năng thu năm 2020 và kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước giai đoạn 2016- 2020 đã trình cấp có thẩm quyền.

5. Lập kế hoạch năm 2020 chương trình mục tiêu quốc gia

Các chủ chương trình (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội) căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND tỉnh và các văn bản khác có liên quan đề xuất nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020, trong đó dự kiến theo cơ cấu nguồn vốn, theo từng dự án, nội dung thành phần theo quy định tại Điều 5 Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/2017/TT-BKHĐT ngày 14/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định và hướng dẫn một số nội dung tại Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 07/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND tỉnh. Việc lập kế hoạch các chương trình mục tiêu quốc gia theo nguyên tắc:

- Bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn đã ứng trước cho các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có).

- Lập kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia phải đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 100/2015/NQ-QH13 của Quốc hội và các Quyết định phê duyệt đầu tư từng chương trình (Quyết định số: 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016; 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017; 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ), các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương từng chương trình (Quyết định số: 48/2016/QĐ-TTg

ngày 31/12/2016; 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/ 2017); hướng dẫn của các Bộ là chủ chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần thuộc chương trình và các Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Kế hoạch đầu tư vốn các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020 phải phù hợp với Kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã điều chỉnh tại Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 31/12/2018 về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 cho các bộ, ngành; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND tỉnh.

Chi tiết kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Báo cáo theo biểu mẫu số 3,4 kèm theo)

V. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Nhận được Công văn này, đề nghị các đơn vị, địa phương khẩn trương thực hiện và báo cáo bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (theo địa chỉ thư điện tử khdt@daklak.gov.vn), Sở Tài chính trước ngày 20/7/2019 để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh.

Đối với việc xây dựng kế hoạch đầu tư nguồn vốn của các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện): Căn cứ hướng dẫn trên đây, UBND cấp huyện chủ động xây dựng kế hoạch vốn đầu tư của cấp mình trong năm 2020.

Trong quá trình thực hiện các nội dung trên, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ về phòng Tổng hợp- Quy hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư (số điện thoại: 3852.186) để trao đổi, hướng dẫn. *me*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng: KTN, KGVX, KTĐN (p/h XD KH);
- Lưu VT, TH, QH.

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Đinh Xuân Hà

Biểu mẫu số 1.1

Đơn vị báo cáo:

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 1632/SKHĐT-TH ngày 14 tháng 7 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án | Mã dự án | Quyết định đầu tư ban đầu | | | Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 | | | Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019 | | Nhu cầu kế hoạch năm 2020 | | | Dự kiến kế hoạch năm 2020 | | | Ghi chú | | | | | | |
|-----|---|----------|--|--------------------------------|--------------------|--|--------------------|--------------------------------|---|--------------------------------------|--------------------------------|--------------------|--------------------------------|---------------------------|--------------------------------|--------------------|---------|-----------------------------------|--------------------------------------|---------|-----------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|
| | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTW | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTW | | | | | | | |
| | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTW | | | | Tổng số | Trong đó: | | | | | | Tổng số | | Trong đó: | | Tổng số | Trong đó: | | |
| | | | | | | | | | | Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW | | | | | | | | Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾ | Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW | | Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾ | Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW | Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾ |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | | | |
| | TỔNG SỐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | NGÀNH, LĨNH VỰC/ CHƯƠNG TRÌNH ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2019 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| a | <i>Dự án nhóm A</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| b | <i>Dự án nhóm B</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| c | <i>Dự án nhóm C</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (2) | Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <i>phân loại như trên</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (3) | Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <i>phân loại như trên</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

(1) Năm N là năm đang thực hiện kế hoạch (dựa trên thời điểm báo cáo)

(2) Đề nghị báo cáo đầy đủ các nguồn vốn theo quy định tại khoản 21 Điều 4 Luật Đầu tư công, mỗi nguồn vốn tách ra báo cáo thành một biểu riêng

(3) Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn chứa năm N+1. Nếu năm N+1 là năm đầu tiên của kế hoạch trung hạn thì lấy dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn chứa năm N+1

| TT | Danh mục dự án | Mã dự án | Quyết định đầu tư ban đầu | | Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 | | | Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019 | | Nhu cầu kế hoạch năm 2020 | | | Dự kiến kế hoạch năm 2020 | | | Ghi chú | | | | |
|----------|-----------------------------------|----------|--|--------------------------------|--|--------------------------------|--------------------|---|---------|---------------------------|--------------------------------|--------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--------------------|---------|--------------------------------------|-----------------------------------|--|--|
| | | | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP | | Tổng số | Trong đó: vốn NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP | | | | | |
| | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP | | Tổng số | Trong đó: | | | | Tổng số | Trong đó: | | Tổng số | | Trong đó: | | | |
| | | | | | | | | Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW | | | | | Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾ | | | | Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW | Thanh toán nợ XDCB ⁽¹⁾ | | |
| c | Dự án nhóm C | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| l | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| (4) | Các dự án khởi công mới năm N+1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| a | Dự án nhóm A | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| l | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| b | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| l | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| c | Dự án nhóm C | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| l | Dự án ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | NGÀNH, LĨNH VỰC/ CHƯƠNG TRÌNH ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ghi chú: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

(1) Năm N là năm đang thực hiện kế hoạch (dựa trên thời điểm báo cáo)

(2) Đề nghị báo cáo đầy đủ các nguồn vốn theo quy định tại khoản 21 Điều 4 Luật Đầu tư công, mỗi nguồn vốn tách ra báo cáo thành một biểu riêng

(3) Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn chứa năm N+1. Nếu năm N+1 là năm đầu tiên của kế hoạch trung hạn thì lấy dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn chứa năm N+1

Biểu mẫu số 3

Đơn vị báo cáo:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018 (VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)

(Kèm theo Công văn số 1632 SKHĐT-TH ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Chương trình | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 | | | | | | | | | | Kế hoạch năm 2018 | | | | | | | | | | Giải ngân kế hoạch năm 2018 đến hết ngày 31/01 năm 2019 | | | | | | | | | | | | |
|------------|--|--|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|----------------------------|---|------------|--------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|---|----------------------------|-------------|---|--------------------|------|----|----|----|----|----|--|--|
| | | Tổng số | Trong đó: | | | | | | | | | | Tổng số | Trong đó: | | | | | | | | | | Tổng số (*) | Trong đó: | | | | | | | | | |
| | | | NSNN | | | | | | | | Tin dụng đầu tư phát triển | Nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN | | Các nguồn vốn khác | NSNN | | | | | | | | Tin dụng đầu tư phát triển | | Nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN | Các nguồn vốn khác | | | | | | | | |
| | | | NSTW | | | | NSDP | | | | | | | | NSTW | | | | NSDP | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | ĐTPT | | SN | | ĐTPT | | SN | | | | | | ĐTPT | | SN | | ĐTPT | | SN | | | | | | ĐTPT | | SN | | | | | |
| Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | Trong nước | Ngoài nước | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | | |
| | TỔNG SỐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG ƯƠNG | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Bộ, cơ quan Trung ương..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Bộ, cơ quan Trung ương..... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ĐỊA PHƯƠNG | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tỉnh, thành phố | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Tỉnh, thành phố | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Liệt kê như I | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:
 (1) Năm N là năm đang thực hiện kế hoạch (dựa trên thời điểm báo cáo)
 (2) Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn chứa năm N+1.

Biểu mẫu số 4

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2020 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Công văn số 1632 SKHĐT-TH ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

| T | Bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | KH và bổ sung vốn năm 2019 được cấp có thẩm quyền quyết định | | | | | | | | Ước giải ngân từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 | | | | | | | | Dự kiến kế hoạch năm 2020 | | | | | | | | | | |
|---|---|--|-----------|----|------|----|------|--------------------|----------------------------|---|----------------|-----------|------|------|--------------------|----------------------------|------|---------------------------|------|----------------|-----------|--------------------|----------------------------|------|----|--|--|--|
| | | Tổng số (1) | Trong đó: | | | | | | | | Tổng số (1) | Trong đó: | | | | | | | | Tổng số (1) | Trong đó: | | | | | | | |
| | | | NSNN | | | | TPCP | Vốn tín dụng | Vốn huy động khác | NSNN | | | | TPCP | Vốn tín dụng | Vốn huy động khác | NSNN | | | | TPCP | Vốn tín dụng | Vốn huy động khác | | | | | |
| | | | NSTW | | NSDP | | | | | NSTW | | NSDP | | | | | NSTW | | NSDP | | | | | | | | | |
| | | | ĐTPT | SN | ĐTPT | SN | | | | ĐTPT | | SN | ĐTPT | | | | SN | ĐTPT | SN | | | | | ĐTPT | SN | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 | 41 | 42 | | | |
| TỔNG SỐ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I CHƯƠNG TRÌNH MTQG NÔNG THÔN MỚI | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án thành phần... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án thành phần... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BÈN VỮNG | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phân loại như trên | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

(1) Tổng số bao gồm tất cả các nguồn vốn (NSTW, NSDP, vốn tín dụng, huy động các nguồn vốn khác)